

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPTN
Tỉnh Thái Nguyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Đỗ Phụng, cán bộ hưu phưong Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên.

2. Ông Trần Quảng Thái, cán bộ hưu phưong Gia Sàng, TP Thái Nguyên.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đoàn Thị Minh Huệ - Cán bộ Toà án nhân dân TP Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Ông Nguyễn Đức Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 502 /2017/TLST-HNGĐ ngày 26/7/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70 / 2017/QĐXX - ST ngày 12/ 9/2017 giữa các đương sự:

***Nguyên Đơn :** Chị Đặng Thị N, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ x , phường T, thành phố T.

Dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Giáo viên; Văn hóa: Lớp 12/12.

(có mặt tại phiên tòa)

***Bị Đơn:** Anh Bùi Xuân Q, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Tổ x , phường T, thành phố T.

Dân tộc: Kinh ; nghề nghiệp: lao động tự do; Văn hóa: Lớp 7/12.

(Có mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày:

Chị và anh Bùi Xuân Q kết hôn năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có được đăng ký kết hôn tại UBND phường Túc Duyên, thành phố T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, khoảng từ năm 2008, 2009 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh Q sa vào tệ nạn cờ bạc dẫn đến nợ nần, từ tháng 8/2014 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, chị về nhà bố mẹ đẻ ở còn anh Q cũng đi làm ăn xa, không quan tâm đến vợ con.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị N vẫn xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Q để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thanh H, sinh ngày 27/11/2002 và Bùi Xuân M, sinh ngày 17/10/2007.

Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi trưởng thành, chị yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung là 2000.000đ/ tháng đối với con chung Bùi Thanh H. còn đối với con chung Bùi Xuân M chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Xuân Q trình bày: Anh xác nhận những thông tin mà chị N trình bày về thời gian kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân, con chung là đúng. Anh xác định bản thân anh trong thời gian qua chưa làm tròn nghĩa vụ với gia đình, đã làm khổ chị N và con.

Nay chị N xin ly hôn, anh không nhất trí ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đã biết mình sai và mong muốn chị N tạo cho anh cơ hội để sửa sai.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thanh H, sinh ngày 27/11/2002 và Bùi Xuân M, sinh ngày 17/10/2007.

Nếu Tòa án giải quyết việc ly hôn, các con có nguyện vọng muốn ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. nếu chị N nuôi cả hai con thì anh nhất trí cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị N, còn nếu anh nuôi con thì anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, anh Q nhất trí để cho chị N được nuôi dưỡng cả hai con chung và nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Thanh H là 2.000.000đ / tháng nếu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của đương sự: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 147, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị N.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị N được ly hôn anh Bùi Xuân Q.

+ Về con chung: Giao cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Bùi Thanh H, sinh ngày 27/11/2002 và Bùi Xuân M, sinh ngày 17/10/2007 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Bùi Thanh H là 2000.000đ/ tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: chị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang. Anh Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về toàn bộ nội dung của vụ án nhưng các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án phải đưa vụ kiện ra xét xử tại phiên tòa công khai ngày hôm nay.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ kiện ly hôn, nguyên đơn, bị đơn đều có nơi cư trú tại tổ x, phường T, thành phố T như vậy theo quy định tại Điều 28, 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Về nội dung:

Chị Đặng Thị N và anh Bùi Xuân Q kết hôn năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có được đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Thái Nguyên nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn: Chị N, anh Q xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do anh Q sa vào tệ nạn cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, kinh tế gia đình gặp rất nhiều khó khăn, anh Q chưa làm tròn trách nhiệm với vợ con, từ tháng 8/2014 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn để giải phóng cho nhau. Tại phiên toà, anh Q xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đã biết mình sai và mong muốn chị N tạo cho anh cơ hội để sửa sai. Anh không nhất trí ly hôn.

HĐXX thấy rằng: Mâu thuẫn của chị N và anh Q đã trầm trọng, quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã thực sự tan vỡ, hai vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai còn quan tâm đến ai, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị N, cho chị Đặng Thị N được ly hôn với anh Bùi Xuân Q là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung:

Vợ chồng có 02 con chung là con chung là Bùi Thanh H, sinh ngày 27/11/2002 và Bùi Xuân M, sinh ngày 17/10/2007 .

Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành (18 tuổi). Các con có nguyện vọng muốn ở với chị N, anh Q cũng nhất trí với nguyện vọng của con chung.

Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“ 1. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; Trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi

mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến khi trưởng thành. Anh Q cũng nhất trí với yêu cầu nuôi con chung của chị N. Việc thỏa thuận nuôi con chung của anh Q, chị N tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh Q về việc nuôi con chung giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Bùi Thanh H, sinh ngày 27/11/2002 và Bùi Xuân M, sinh ngày 17/10/2007 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị N yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Thanh H là 2000.000đ/ tháng, anh Q nhất trí. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phần cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: Căn cứ Điều 143, 144, 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án chị Dung phải nộp 300.000đ án phí LHST vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 143, 146, 147, 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị N.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị N được ly hôn anh Bùi Xuân Q.

+ Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị N, anh Q về việc nuôi con chung: Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Bùi Thanh H, sinh ngày 27/11/2002 và Bùi Xuân M, sinh ngày 17/10/2007 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của chị N, anh Q về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung

Bùi Thanh H là 2000.000đ (hai triệu đồng) / tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Q không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh Q còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005393 ngày 26/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Anh Q phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, chị N, anh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

NƠI NHẬN

- VKSND TPTN
- TAND tỉnh TN
- Chi cục THATPTN
- Đ- ơng sự
- L- u HS; BP
- UBND phường Túc Duyên, TPTN.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

TRẦN THỊ THU HÀ